

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-02-2025

V/v “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

2. Ông Võ Thanh Tân.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 662/TB-TLVA ngày 18 tháng 11 năm 2024, về việc tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 840/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số E, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

NHẬN THẤY:

Theo nội dung vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N, quen biết, tìm hiểu sau đó tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, nay bà yêu cầu ly hôn ông N.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Võ Thị Triệu V1, sinh năm 2003 đã thành niên, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Võ Chí T, sinh năm 2009 hiện tại đang sống với ông N, khi ly hôn bà không có tranh chấp nuôi con, để con tiếp tục sống với ông N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn N vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích V. Bà V được ly hôn ông N.

- Về con chung: Võ Thị Triệu V1, sinh năm 2003 đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét. Bà V yêu cầu để ông N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Võ Chí T, sinh năm 2009, nên đề nghị giao cháu T cho ông N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản sao giấy khai sinh của V1, T, bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, nuôi con, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà V với ông N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân. Bà V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án mở các phiên hòa giải để hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng bà V vẫn kiên quyết ly hôn và yêu cầu không hòa giải và xin xét xử vắng mặt. Ông N thì vắng mặt không lý do, không quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét, mối quan hệ vợ chồng là mối quan hệ gắn bó lâu dài và bền vững, vợ chồng phải thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, cùng chung tay nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, sống chung với nhau, nhưng bà V và ông N đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, ông bà đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V.

[2.2] Về con chung: Bà V đồng ý giao cháu T cho ông N nuôi dưỡng, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu được ổn định tinh thần, sinh sống và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T cho ông N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Võ Văn N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Nguyễn Thị Bích V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của trẻ em theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001867 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích V. Bà Nguyễn Thị Bích V được ly hôn ông Võ Văn N.

2. Về con chung:

2.1. Bà Nguyễn Thị Bích V và ông Võ Văn N có 02 (hai) con chung tên Võ Thị Triệu V1, sinh năm 2003 đã thành niên, có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xem xét và Võ Chí T, sinh năm 2009 hiện tại đang sống với ông N.

2.2. Giao cháu Võ Chí T, sinh năm 2009 cho ông Võ Văn N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Võ Văn N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Nguyễn Thị Bích V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của trẻ em theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí

đã nộp theo Biên lai thu số 0001867 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- UBND P.Bình Đức (GCN số 168, ngày 13/9/2006);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌ

Trần Thanh Việt Đặng Thị Mỹ Hường

Lê Thị Hồng Thi

